

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HS-PT  
Ngày 13-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Hồng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2021/HS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Hồng T (Tí)**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số x ấp T, xã T T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Hồng N (đã chết); vợ: Trần Thị T, sinh năm 1992; con: có 01 người con sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8 năm 2016, Nguyễn Hồng T kinh doanh dịch vụ internet tại ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau thời gian kinh doanh không hiệu quả và thấy khách hàng dễ dàng tin tưởng việc mua bán hàng trên mạng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài. Đến tháng 9 năm 2017, T sử dụng mạng xã hội Facebook với các tài khoản tên “N”, “T tiệm nét”, “Vi tính T” gia nhập vào trang “Hội chợ linh kiện máy tính”. T lên mạng tìm kiếm hình ảnh các linh kiện máy tính như: Ram, CPU, Main, ổ cứng, chuột máy tính, tai nghe, sau đó tải về máy, đồng thời đăng các hình ảnh này lên tài khoản Facebook của T nhằm mục đích lừa đảo để

khách hàng tin tưởng là T có hàng thật bán; nhằm tránh bị phát hiện, T đăng tin với địa chỉ không đúng sự thật nhằm cho người mua không tìm được, các địa chỉ T sử dụng giao dịch với các bị hại là “Số x, N, Thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng; đường x Châu Văn L, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ và số x Lê Hồng P, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh”, số điện thoại sử dụng giao dịch là xxxxxxxxxxxx và xxxxxxxxxxxx. T thỏa thuận với khách hàng bằng cách nhắn tin qua Messenger và điện thoại. T yêu cầu người mua chuyển tiền trước qua các tài khoản ngân hàng như: số tài khoản x của T đứng tên; số tài khoản x của Nguyễn Thành N, nơi cư trú ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; số tài khoản x của Nguyễn T, nơi cư trú ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; số tài khoản x của Trần Thị T, nơi cư trú ấp T, xã T T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Khi nhận được tiền do khách hàng chuyển vào, T chặn Facebook và số điện thoại của khách hàng cho khách hàng không liên lạc được nhằm chiếm đoạt tiền. Từ tháng 9 năm 2017 đến khi bị phát hiện vào ngày 18/10/2017, với cách thức như trên Nguyễn Hồng T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể như sau:

1. Anh Phan Thanh H, sinh năm 1982, nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên có sử dụng tài khoản Facebook với tên “VITINH AH COMPUTER” gia nhập trên “Hội chợ linh kiện máy tính”, số điện thoại giao dịch của anh H là xxxxxxxxxxxx. Ngày 14/10/2017, anh H lên mạng Facebook giao dịch với T với tên tài khoản là “Vi tính T” và được T giới thiệu địa chỉ của mình là: Số x, N, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng, số điện thoại giao dịch là xxxxxxxxxxxx. T và anh H giao dịch nhắn tin trên Messenger mua bán linh kiện máy tính gồm: 40 thanh Gram 4 GB, giá mỗi thanh là 330.000 đồng, thành tiền là 13.200.000 đồng; 40 thanh Gram 2 GB, giá mỗi thanh là 150.000 đồng, thành tiền là 6.000.000 đồng; 09 CPU với giá mỗi CPU là 280.000 đồng, thành tiền là 2.520.000 đồng, tổng số tiền là 21.720.000 đồng. Ngày 15/10/2017, anh H chuyển cho T số tiền 21.720.000 đồng từ tài khoản của anh H có số x đến số tài khoản x của Nguyễn T. Sau khi nhận được tiền T không giao hàng mà khoá Facebook và số điện thoại chiếm đoạt tiền của anh H là 21.720.000 đồng.

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/8/1983, nơi cư trú: Số x, Lê Văn N, ấp x, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Anh T có sử dụng tài khoản Facebook với tên “Nguyễn Minh T”, gia nhập trên “Hội chợ linh kiện máy tính”, số điện thoại giao dịch là xxxxxxxxxxxx;

Ngày 14/10/2017, Anh T lên mạng Facebook thỏa thuận giao dịch với T qua tài khoản có tên “Vi tính T”, T cho địa chỉ: Số x, N, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng” với số điện thoại giao dịch xxxxxxxxxxxx, hai bên thỏa thuận Anh T mua của T các linh kiện máy tính gồm ổ cứng, Ram với số tiền 5.550.000 đồng, cùng ngày Anh T đã chuyển cho T số tiền 5.550.000 đồng từ số tài khoản x của Anh T đến số tài khoản x của Nguyễn T do T cung cấp;

Đến ngày 15/10/2017, Anh T mua thêm của T 02 Ram máy tính với số tiền

8.140.000 đồng, Anh T đã chuyển cho T số tiền 8.140.000 đồng từ số tài khoản x của Anh T đến số tài khoản x của Nguyễn T ;

T hẹn đến ngày 16/10/2017 sẽ giao hàng cho anh T . Đến ngày 16/10/2017, Anh T gọi điện thoại cho T thì T nói dối đang cho người tìm xe gửi hàng nhưng chưa tìm được và T tiếp tục nói dối sẽ gửi hàng qua Viettel post. Sau đó T đã khóa điện thoại và Facebook chiếm đoạt của Anh T số tiền 13.690.000 đồng.

3. Anh Bùi Văn H , sinh ngày 27/8/1988, nơi cư trú: X , xã B , huyện Y , tỉnh Hoà Bình. Số điện thoại giao dịch xxxxxxxxx5, có tài khoản Facebook với tên “Hoàng Văn B”, gia nhập trên “Hội chợ linh kiện máy tính”. Ngày 14/10/2017, anh H lên mạng Facebook giao dịch với T qua tên “Vi tính T ”, số điện thoại xxxxxxxxxx với địa chỉ T giới thiệu là Số x, N , thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng mua linh kiện máy tính như sau: 20 Vga số tiền 11.000.000 đồng, cùng ngày anh H tiếp tục đặt mua linh kiện máy tính với số tiền 2.500.000 đồng. Trong ngày 14/10/2017 anh H đã chuyển cho T 02 lần tiền từ số tài khoản x đến số tài khoản x của Nguyễn T với số tiền là 11.000.000 đồng và 2.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền T khóa điện thoại và Facebook chiếm đoạt tiền của anh H tổng cộng là 13.500.000 đồng.

4. Anh Nguyễn Văn N , sinh ngày 01/7/1991; nơi cư trú: Số x, Ngô Đức K , Phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có tài khoản Facebook với tên “VI TINH NAM C” tham gia trên trang “Hội chợ linh kiện máy tính”, số điện thoại giao dịch là xxxxxxxx. Ngày 09/10/2017 anh N lên mạng Facebook giao dịch với T qua tài khoản “N ”, được T cho địa chỉ liên hệ là số x, Lê Hồng P , Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh và số điện thoại liên lạc xxxxxxxxxx, anh N đồng ý mua linh kiện máy tính gồm: 06 CPU, giá mỗi CPU là 1.800.000 đồng, tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Cùng ngày 09/10/2017, anh N đã chuyển tiền cho T từ số tài khoản x của anh N đến số tài khoản x của Nguyễn Thành N. T hứa là hôm sau sẽ giao hàng cho anh N nhưng sau đó đã khóa điện thoại và Facebook chiếm đoạt số tiền 10.800.000 đồng.

5. Anh Nguyễn Quốc V , sinh ngày 10/01/1977; nơi cư trú: Số x, Đường x, phường B , quận B T , Thành phố Hồ Chí Minh, có tài khoản Facebook với Nickname “NGUYỄN QUỐC V ” tham gia trên trang “Hội chợ linh kiện máy tính”, số điện thoại giao dịch xxxxxxxxxx;

Ngày 08/10/2017 anh V giao dịch với T trên facebook với tên “N ” để mua linh kiện máy tính gồm 20 Ram với giá 350.000 đồng/cái, thành tiền là 7.000.000 đồng, anh V đã chuyển tiền cho T 7.000.000 đồng từ số tài khoản 0421000491848 đến số tài khoản x của Nguyễn Thành N ;

Ngày 09/10/2017, anh V tiếp tục giao dịch với T đồng ý mua 30 CPU với giá 1.300.000 đồng/cái, T giảm cho anh V số tiền 500.000 đồng;

T yêu cầu anh V chuyển trước một số tiền để lấy hàng. Cùng ngày, anh V chuyển 10.000.000 đồng tiền đặt cọc cho T đến tài khoản số x của Nguyễn Thành N

, sau khi nhận được tiền T đã khóa điện thoại và Facebook chiếm đoạt tiền của anh V tổng số tiền là 17.000.000 đồng.

6. Anh Vũ Văn Đ, sinh ngày 01/01/1984; nơi cư trú: Tổ x, phường T, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên, có tài khoản Facebook tên “VŨ VĂN Đ”, số điện thoại giao dịch xxxxxxxxxx. Ngày 09/10/2017, anh Đ lên mạng vào trang Facebook giao dịch với T qua tên “N” số điện thoại giao dịch là xxxxxxxxxx để mua linh kiện điện tử gồm 10 CPU với giá là 2.250.000 đồng/CPU, thành tiền là 22.500.000 đồng. Cùng ngày anh Đ chuyển số tiền 22.500.000 đồng từ tài khoản số x của chị Vũ Thị Hồng T (vợ anh Đ) cho T qua số tài khoản x của Nguyễn Thành N. Sau khi nhận được tiền T khóa điện thoại và Facebook chiếm đoạt tiền của anh Đ là 22.500.000 đồng.

7. Anh Chu Ngọc S, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số x, Ngách x, Ngõ x, phường K, quận T, thành phố Hà Nội có tài khoản Facebook với tên “Chu Ngọc S”, số điện thoại giao dịch x. Ngày 14/10/2017, anh S giao dịch với T trên Facebook với tên “Vi tính T” và T cho số điện thoại giao dịch là xxxxxxxxxx. Anh S đã thỏa thuận với T bằng cách nhắn tin trên Messenger và điện thoại, T yêu cầu anh S đặt cọc trước số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 15/10/2017, anh S chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản của anh S là x cho T qua số tài khoản x của Nguyễn T. Sau đó; T không báo đã giao hàng, anh S thấy nghi ngờ bị lừa nên yêu cầu T chuyển trả lại tiền; khoảng 17 giờ cùng ngày, T đã chuyển trả lại cho anh S 400.000 đồng. Số tiền T đã chiếm đoạt của anh Chu Ngọc S là 2.000.000 đồng.

8. Anh Tạ Anh T, sinh ngày 03/3/1982; nơi cư trú: Số x, Ngõ x, Đặng Tiến Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội có tài khoản Facebook với tên tài khoản là “Tạ Anh T” số điện thoại giao dịch là x, đã thực hiện giao dịch với T trên Facebook với tên “Vi tính T”. Ngày 14/10/2017, anh T giao dịch nhắn tin trên Messenger với T qua số điện thoại xxxxxxxxxx, địa chỉ liên hệ T cung cấp là Số x, N, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng, anh T mua Ram máy tính với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Ngày 15/10/2017, anh T đã chuyển tiền từ số tài khoản x của chị Nguyễn Tuyết M (vợ anh T) cho T qua số tài khoản x của Nguyễn T. Sau khi nhận được tiền, T không giao hàng, khóa điện thoại và Facebook chiếm đoạt tiền của anh T là 4.500.000 đồng.

9. Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số x, Dương Quảng H, Phường x, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, số điện thoại giao dịch x, có tài khoản Facebook với tên “Vi Tính Phát Hải”. Ngày 14/10/2017, anh P lên Facebook giao dịch với T qua tài khoản facebook tên “Vi tính T”, số điện thoại là xxxxxxxxxx, địa chỉ liên hệ T cung cấp là Số x, N, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng. Anh P mua 40 Ram máy tính với giá 350.000 đồng/Ram, tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Ngày 16/10/2017, anh P chuyển tiền cho T đến số tài khoản x của Nguyễn T. Sau khi nhận được tiền T khóa số điện thoại và Facebook chiếm đoạt tiền của anh P là 14.000.000 đồng.

10. Anh Trần Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số x, P, Đ, B, Hà Nội, có tài

khoản Facebook với tên “Hanh Ky Tran” và số điện thoại giao dịch x. Ngày 09/10/2017, anh H vào trang Facebook giao dịch với T có tên tài khoản là “N” bằng hình thức nhắn tin trên Messenger. Anh H mua của T 10 Ram máy tính với giá là 5.200.000 đồng. Ngày 09/10/2017, anh H đến ngân hàng Vietcombank chuyển số tiền 5.200.000 đồng cho T vào số tài khoản x của Nguyễn Thành N. Sau khi nhận được tiền T không giao hàng và khóa Facebook chiếm đoạt 5.200.000 đồng.

11. Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số x, T, Phường x, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có tài khoản Facebook với tên “Thành Tuấn” và số điện thoại giao dịch x. Ngày 09/9/2017, anh T vào trang Facebook giao dịch với T có tên facebook là “T Tiệm Nét” bằng hình thức nhắn tin trên Messenger, giao dịch mua linh kiện máy tính gồm 30 Ram và 05 CPU được T đưa ra giá là 16.500.000 đồng, anh T đồng ý. Cùng ngày 09/9/2017, anh T chuyển tiền cho T 02 lần, lần thứ nhất là 13.500.000 đồng, lần thứ hai là 3.000.000 đồng, tổng số tiền là 16.500.000 đồng từ số tài khoản x của anh T đến số tài khoản x của Nguyễn Hồng T. Anh T không nhận được hàng và biết mình bị lừa nên yêu cầu T chuyển trả lại tiền nếu không sẽ tố giác hành vi của T đến cơ quan công an. Đến ngày 14/9/2017, T đã chuyển trả lại cho anh T số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền T chiếm đoạt của anh T là 16.500.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Hồng T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của các bị hại Phan Thanh H, Nguyễn Minh T, Bùi Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quốc V, Vũ Văn Đ, Chu Ngọc S, Tạ Anh T, Nguyễn Tấn P, Trần Văn H, Nguyễn Tuấn T là 141.410.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Số tiền chiếm đoạt được bị cáo tiêu xài, còn lại số tiền là 70.000.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngoài ra, cũng với thủ đoạn như trên, T đã chiếm đoạt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm:

- Anh Bùi Trần T, sinh ngày 01/8/1983; nơi cư trú: Tổ x, Khu phố x, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, số điện thoại giao dịch của anh T là x, có sử dụng tài khoản Facebook với tên “Vi Tính Thế Bảo”, gia nhập trên trang “Hội chợ linh kiện máy tính”. Ngày 14/10/2017, anh T truy cập mạng vào Facebook giao dịch với T qua tên “Vi tính T” với hình thức nhắn tin trên Messenger và sử dụng điện thoại giao dịch với T qua số xxxxxxxxxx với địa chỉ liên hệ T cung cấp là Số x, N, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng, anh T mua 50 Ram máy tính với giá 350.000 đồng/cái. T kêu anh T đặt tiền cọc trước 1.750.000 đồng. Ngày 15/10/2017, anh T đã chuyển 1.750.000 đồng cho T từ số tài khoản của anh T đến số tài khoản x tên Nguyễn T. Sau khi nhận được tiền T khóa số điện thoại và Facecebook chiếm đoạt tiền của anh T là 1.750.000 đồng.

- Anh Phạm Tiến H, sinh ngày 06/04/1996; nơi cư trú: Tổ x, Khu x, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có tài khoản Facebook với tên “Phạm M (Hoàng Phạm iStore)” và số điện thoại giao dịch x. Ngày 09/09/2017, anh H vào trang

Facebook giao dịch với T qua tài khoản “T Tiệm Net” bằng hình thức nhắn tin trên Messenger để mua linh kiện máy tính với số tiền 1.500.000 đồng; trong ngày, anh H chuyển số tiền 1.500.000 đồng cho T từ số tài khoản x đến số tài khoản x của Nguyễn Hồng T. Sau khi nhận được tiền T khóa Facebook chiếm đoạt tiền của anh H là 1.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank có số tài khoản x với chủ tài khoản là Nguyễn Thành N, ngụ xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Thành N.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank có số tài khoản x với chủ tài khoản là Nguyễn T, ngụ xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn T.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank có số tài khoản x với chủ tài khoản là Trần Thị T, ngụ ấp T, xã T T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị T.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank có số tài khoản x của Nguyễn Hồng T, ngụ ấp T, xã T T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu vàng đồng (gold), số IMEI 35381608454578, số seri C39S WCPHHG06.

- Tiền Việt Nam đồng là 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng).

- 01 (một) thẻ sim Vinaphone 4G có dòng chữ 4G-SDEED. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Nguyễn Hồng T.

Theo Kết luận định giá tài sản số 82/BKL-HĐ ĐG ngày 25/6/2018 của Hội đồng định giá huyện C kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu vàng đồng (gold), số IMEI 35381608454578, số seri C39S WCPHHG06 có giá trị 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Quá trình điều tra Nguyễn Hồng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là phù hợp với những chứng cứ đã thu thập được.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2021/HS-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T (tên gọi khác: Tí) phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 19/7/2021, bị cáo Nguyễn Hồng T kháng cáo yêu

cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 02 năm 06 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 là ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 đến tháng 10/2017, bị cáo Nguyễn Hồng T đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc mua bán hàng trên mạng xã hội Facebook để chiếm đoạt tiền của anh Phan Thanh H 21.720.000 đồng, anh Nguyễn Minh T

13.690.000 đồng, anh Bùi Văn H 13.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn N 10.800.000 đồng, anh Nguyễn Quốc V 17.000.000 đồng, anh Vũ Văn Đ 22.500.000 đồng, anh Chu Ngọc S 2.000.000 đồng, anh Tạ Anh T 4.500.000 đồng, anh Nguyễn Tấn P 14.000.000 đồng, anh Trần Văn H 5.200.000 đồng và anh Nguyễn Tuấn T 16.500.000 đồng. Tổng cộng bị cáo Nguyễn Hồng T đã chiếm đoạt tiền của 11 bị hại với tổng số tiền 141.410.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của 11 bị hại với tổng số tiền 141.410.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, “*Bồi thường thiệt hại*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, “*Bị cáo hiện nuôi con chưa thành niên, nhiều bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên; xét thấy trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của 11 bị hại, mà mỗi bị hại bị chiếm đoạt số tiền từ *hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng*, nên bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của 11 bị hại là trên *năm mươi triệu đồng* nhưng dưới *hai*



trăm triệu đồng nên bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm bị cáo không phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng T (Tí); giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 66/2021/HS-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T (Tí) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

**2. Về án phí:** căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Hồng T (Tí) phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện C (03);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã T T, h. C (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**Tôn Văn Thông**